TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1978

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp x, xã TĐ, huyện BL, tỉnh Long An

(Chị S có mặt và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị S trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 1998 chị S với anh Nguyễn Ngọc H đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thị xã Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ vào ngày 26/12/2001.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình cha mẹ chồng được 08 tháng thì vợ chồng xây nhà ở để ra riêng tại ấp 6, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc do anh H có quan hệ ngoại tình với nhiều người nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn

nhưng không được. Chị S và anh H đã sống ly thân nhau hơn 01 năm. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị S yêu cầu đươc ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị S với anh H có một con chung tên Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 26/7/1999; đã trưởng thành.

Về tài sản chung với anh H thì chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung với anh H thì chị S xác định không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không giao nộp tài liệu chứng cứ, văn bản ghi ý kiến của mình đối với nguyên đơn cho Toà án.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Trịnh Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[3] Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về tình cảm vợ chồng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[4] Chị S và anh H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thị xã Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ vào ngày 26/12/2001 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S với anh H là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp và anh H có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải nhau; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S với

anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S đối với anh H.

[5] Chị S và anh H có một con chung tên Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 26/7/1999; đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không nợ chung với anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị Trịnh Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trịnh Thị S đối với anh Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Chị S và anh H có một con chung tên Nguyễn Thị Diễm Kiều, sinh ngày 26/7/1999; đã trưởng thành

Về án phí: Chị Trịnh Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo Biên lai số 0006247 ngày 06 tháng 03 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND Phường 3, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương